

KẾ HOẠCH

Khai thác, sử dụng tài nguyên nước trên địa bàn tỉnh Lai Châu giai đoạn từ tháng 12 năm 2024 đến tháng 6 năm 2025

Căn cứ Luật Tài nguyên nước ngày 27 tháng 11 năm 2023;

Căn cứ Nghị định số 53/2024/NĐ-CP ngày 16 tháng 5 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước;

Căn cứ Quyết định số 3776/QĐ-BTNMT ngày 25 tháng 11 năm 2024 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc công bố Kịch bản nguồn nước (lần đầu) trên Lưu vực sông Hồng - Thái Bình.

Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu ban hành Kế hoạch khai thác, sử dụng tài nguyên nước trên địa bàn tỉnh Lai Châu giai đoạn từ tháng 12 năm 2024 đến tháng 6 năm 2025, gồm những nội dung chính như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

Dự báo hiện trạng nguồn nước trên địa bàn tỉnh và nhu cầu khai thác, sử dụng nước của các ngành; đề xuất kế hoạch khai thác, sử dụng nước của từng khu vực. Đề xuất các giải pháp điều hòa, phân phối nguồn nước đáp ứng nhu cầu phục vụ cấp nước sinh hoạt, sản xuất trên địa bàn tỉnh, trong đó ưu tiên cho cấp nước sinh hoạt, sản xuất, phù hợp với thực trạng nguồn nước của tỉnh và Kịch bản nguồn nước (lần đầu) trên Lưu vực sông Hồng - Thái Bình đã được Bộ Tài nguyên và Môi trường công bố tại Quyết định số 3776/QĐ-BTNMT ngày 25/11/2024.

2. Yêu cầu

Các sở, ngành; UBND các huyện, thành phố; các cơ quan, đơn vị có liên quan chủ động tổ chức thực hiện Kế hoạch khai thác, sử dụng tài nguyên nước trên địa bàn tỉnh Lai Châu giai đoạn từ tháng 12 năm 2024 đến tháng 6 năm 2025 theo nhiệm vụ, thẩm quyền được giao. Chủ trì, phối hợp trong việc tham mưu điều hòa, phân phối nguồn nước phù hợp với thực trạng nguồn nước, đáp ứng nhu cầu khai thác, phục vụ cấp nước sinh hoạt, sản xuất trên địa bàn tỉnh.

II. HIỆN TRẠNG NGUỒN NƯỚC VÀ DỰ BÁO XU THẾ DIỄN BIẾN MƯA, DÒNG CHẢY, LƯỢNG NƯỚC TÍCH TRỮ TRONG CÁC HỒ CHỨA NƯỚC LỚN

1. Hiện trạng nguồn nước trên địa bàn tỉnh

1.1. Hiện trạng nguồn nước mưa, nước mặt

a) Theo Kịch bản nguồn nước (lần đầu) trên Lưu vực sông Hồng - Thái Bình được Bộ Tài nguyên và Môi trường phê duyệt tại Quyết định số 3776/QĐ-BTNMT ngày 25/11/2024, tỉnh Lai Châu trong thời gian từ tháng 6 đến cuối tháng 10 năm 2024, lượng mưa phía thượng lưu lưu vực sông Đà (thượng lưu hồ Lai Châu) thiếu hụt từ 10%-20% lượng mưa. Dòng chảy thượng nguồn (phía Trung Quốc) sông Đà thấp hơn trung bình nhiều năm khoảng 10%.

b) Theo số liệu Đài khí tượng thủy văn tỉnh Lai Châu:

- Về lượng mưa: từ tháng 10 đến tháng 11 năm 2024, tỉnh Lai Châu có 01 đợt mưa vừa, mưa to diện rộng: Do ảnh hưởng của hội tụ gió trên độ cao lên đến 5000m, tỉnh Lai Châu có mưa vừa, mưa to đến rất to. Tổng lượng mưa đợt phổ biến từ 70mm – 200mm, có nơi trên 250mm.

- Diễn biến lượng mưa:

+ Tháng 10: Các nơi trong tỉnh có 6 - 10 ngày mưa. Tổng lượng mưa các nơi đo được từ 58mm - 148mm cao hơn trung bình nhiều năm và cùng kì năm trước từ 16mm - 80mm (Sìn Hồ thấp hơn trung bình nhiều năm là 47 mm).

+ Tháng 11: Các nơi trong tỉnh có 2 - 4 ngày mưa. Tổng lượng mưa các nơi đo được từ 1mm - 11mm, thấp hơn trung bình nhiều năm và cùng kì năm trước từ 18mm - 159mm.

- Tình hình thủy văn, nguồn nước trong tháng 10, 11 và nửa đầu tháng 12/2024: trong tháng 10 trên các sông suối trong tỉnh xuất hiện 1-2 đợt lũ nhỏ, từ tháng 11 đến nửa đầu tháng 12 mực nước trên các sông chủ yếu dao động theo điều tiết của các thủy điện thượng lưu. Từ tháng 10 đến tháng 11 tổng lượng dòng chảy trên các sông suối trên địa bàn tỉnh Lai Châu ở mức thấp hơn trung bình nhiều năm từ 30%-60%.

1.2. Hiện trạng tích nước của các hồ chứa

- Theo Kịch bản nguồn nước (lần đầu) trên Lưu vực sông Hồng - Thái Bình, tổng lượng nước tích trữ trong 03 hồ: Lai Châu, Bản Chát, Huội Quảng đến tháng 11/2024 là 3.442 triệu m³.

- Tính đến hết 30/11/2024 trên địa bàn tỉnh có 17 hồ chứa nước có dung tích trên 1 triệu m³ trong đó: 02 hồ chứa thủy lợi (*Hồ Hoàng Hồ có dung tích toàn bộ là 2,406 triệu m³; Hồ Xà Dề Phìn có dung tích 2,650 triệu m³*); 15 hồ chứa thủy điện, trong đó: (1) có 03 hồ chứa của công trình thủy điện Lai Châu, Huội Quảng, Bản Chát là hồ chứa điều tiết nước dài hạn (điều tiết năm), có nhiệm vụ tích nước trong mùa mưa lũ phục vụ vận hành phát điện và chống hạn cho vùng hạ du vào mùa khô, hiện tại các hồ tích nước đạt xấp xỉ với dung tích toàn bộ của hồ chứa, cụ thể: hồ chứa thủy điện Lai Châu đạt 99,84% dung tích;

hồ chứa thủy điện Bản Chát đạt 99,81% dung tích; hồ chứa thủy điện Huội Quảng đạt 95,18% dung tích; đảm bảo sẵn sàng thực hiện việc vận hành xả nước phát điện thực hiện theo lệnh điều độ của Trung tâm Điều độ hệ thống lưới điện Quốc gia, vận hành xả nước chống hạn theo yêu cầu của bộ, ngành Trung ương nhằm đảm bảo an ninh năng lượng và an ninh quốc gia trong giai đoạn tháng 12/2024 đến tháng 6/2025. (2) Có 12 hồ chứa của công trình thủy điện (*Nậm Na 2, Nậm Na 3, Nậm Na 1, Pắc Ma, Pa Hạ, Phiêng Lú, Nậm Cùm 3, Mường Mít, Nậm Cuối, Nậm Mít Luông, Nậm Xí Lùng 2, Nậm Cùm 4*) có dung tích hồ chứa trên 1 triệu m³ điều tiết nước phát điện theo giờ trong ngày; mực nước trong hồ chứa được duy trì không thấp hơn mực nước chết và không vượt quá mực nước dâng bình thường.

Các hồ chứa thủy lợi và thủy điện cơ bản đảm bảo nguồn nước phục vụ sinh hoạt, sản xuất và phát điện theo thiết kế, tuy nhiên hồ chứa thủy điện Huội Quảng thiếu khoảng 4,82% so với kế hoạch.

1.3. Hiện trạng cấp nước sinh hoạt

a) Cấp nước sạch đô thị: trên địa bàn tỉnh có 14 nhà máy/trạm xử lý nước sạch với tổng công suất thiết kế 43.500 m³/ngày, cung cấp nước sạch cho Khu kinh tế cửa khẩu Ma Lù Thàng và 08/08 đô thị trên địa bàn tỉnh Lai Châu, bao gồm: Thành phố Lai Châu và các thị trấn: Than Uyên, Tam Đường, Sìn Hồ, Phong Thổ, Mường Tè, Nậm Nhùn, Tân Uyên. Có 10 nhà máy/trạm xử lý nước sạch đủ để cấp cho các công trình, 04 trạm cấp nước đang xảy ra tình trạng thiếu nước về mùa khô, như: Nhà máy nước thành phố Lai Châu (trạm Tả Lèng) nguồn nước đáp ứng được khoảng 80% công suất thiết kế, thiếu khoảng 20%; Trạm xử lý và cấp nước sinh hoạt thị trấn Phong Thổ (cụm Paso), nguồn nước đáp ứng được khoảng 80% công suất thiết kế, thiếu khoảng 20%; Trạm xử lý và cấp nước sinh hoạt thị trấn Tam Đường nguồn nước đáp ứng được khoảng 85% công suất thiết kế, thiếu khoảng 15%; Trạm xử lý và cấp nước sinh hoạt Hua Nà, Than Uyên nguồn nước đáp ứng được khoảng 85% công suất thiết kế, thiếu khoảng 15%. Tổng khối lượng nước thiếu hụt trên địa bàn tỉnh cấp nước phục vụ sinh hoạt đô thị khoảng 4.000 m³/ngày đêm vào mùa khô.

b) Cấp nước sạch/nước hợp vệ sinh nông thôn:

Hiện trên địa bàn tỉnh có 808 công trình cấp nước sạch/nước hợp vệ sinh khu vực nông thôn. Trong đó có 22 công trình cấp nước sạch nông thôn và 786 công trình cấp nước hợp vệ sinh khu vực nông thôn. Nguồn nước cơ bản đảm bảo đủ nước cấp, tuy nhiên còn 25 công trình có khả năng thiếu nước cục bộ vào mùa khô tại một số khu vực thuộc địa bàn các huyện: Phong Thổ, Nậm Nhùn, huyện Sìn Hồ, cụ thể:

- Huyện Phong Thổ: Từ tháng 01 đến tháng 05 có 09 công trình cấp nước hợp vệ sinh trên địa bàn có nguy cơ thiếu nước (*các công trình cấp nước sinh*

hoạt: bản Dền thành A, bản Dền thành B, bản Hợp 2, bản Xì Phải, bản Lèng Chur thuộc địa bàn xã Đào San; các công trình cấp nước sinh hoạt của bản Lăng Than và xã Mù Sang; công trình cấp nước sinh hoạt trung tâm xã Sỉ Lở Lầu; công trình cấp nước sinh hoạt bản Hoàng Trù Sào, xã Huổi Luông).

- Huyện Nậm Nhùn: Từ tháng 11 đến tháng 4 trên địa bàn huyện có 13 công trình cấp nước sinh hoạt hợp vệ sinh có nguy cơ thiếu nước (các công trình cấp nước sinh hoạt: bản Nậm Manh, bản Huổi Héo, bản Huổi Chát 2, bản Nậm Nàn nhóm 1+2, nhóm 3, bản Cang, bản Nậm Cây, bản Nậm Ty, bản Phiêng Luông I+II, bản Phiêng Lăn, bản Táng Ngá, bản Chang Chảo Pá, bản Pa Cheo, bản Lao Chen).

- Huyện Sìn Hồ: Có 03 công trình cấp nước tập trung nông thôn có nguy cơ thiếu nước từ khoảng tháng 9 đến tháng 3 năm sau (các công trình nâng cấp nước sinh hoạt bản Hồ Sỉ Pán; nước sinh hoạt bản Nậm Khăm; bản Pú Mạ).

1.4. Hiện trạng khai thác nguồn nước tại các hồ chứa thủy lợi, hệ thống công trình thủy lợi

Đến hết năm 2024 toàn tỉnh có khoảng 1.008 công trình trong đó có: 06 hồ chứa, 1.002 công trình tưới tự chảy. Công ty Thủy nông tỉnh quản lý 96 công trình, các công trình còn lại do các huyện, thành phố quản lý. Công trình kiên cố là 937, công trình tạm là 71. Tổng chiều dài kênh mương là: 2.330 km trong đó có 1.855 km kiên cố, 475km kênh tạm. Cơ bản nguồn nước các công trình đáp ứng nhu cầu tưới phục vụ cho sản xuất, vào mùa khô do thời tiết nắng nóng kéo dài, lượng mưa thấp nên một số công trình thiếu hụt lượng nước nhưng cơ bản vẫn đảm bảo nước tưới phục vụ sản xuất của người dân, cụ thể:

- Huyện Phong Thổ: Hiện có 193 công trình thủy lợi đang vận hành trong đó có 180/193 công trình đủ nguồn nước tưới, 13/193 công trình có nguy cơ thiếu nước khoảng từ 10% - 18,5% lượng nước vào mùa khô (gồm: Nà Củng, Đon Kang, Kênh Thủy Điện Nậm Nhíp, Nà Giang, Nà Trai, Nà Tung, Dao Chăn, Nậm Hang, Phái Bản, Tùng Luông, Nậm Chín, Mỏ Sỉ Câu, Sín Chải).

- Huyện Nậm Nhùn: Trên địa bàn có 60 công trình thủy lợi đang hoạt động trong đó có 54/60 công trình đáp ứng đủ nhu cầu nước tưới, 07/60 công trình có nguy cơ thiếu nước từ tháng 4 đến tháng 5 (gồm: Nậm Nhùn (Na sai), Na Bắc Cang (Nậm Bắc), Se Su, Nậm Nó 1, Nậm Cây 1, Nậm Cây 2, Nậm Manh).

- Trên địa bàn huyện Tam Đường có 170 công trình thủy lợi đang vận hành. Trong đó: có 151/170 công trình có đủ nước tưới; 19/170 công trình có nguy cơ thiếu 4,7% đến 18,75 % lượng nước so với công suất thiết kế vào mùa khô (gồm: Lở Thành, Thèn Sin, Bản Giang, Nậm Pé, Hồ Thầu, Nà Đa Phìn, Tắc Tình, Nậm Na - Nậm Tường Lài Khan, Thèn Thầu, Nà Hum, cánh đồng Bình Lư - Nà Tăm, Chu Va 12.2, Nậm Tăng - Nà Sắng, Nà Ly, Khun Há, Ma Sao Phìn, Đông Pao, Nà Ly (Nà Hiêng)).

- Huyện Tân Uyên: Có 116 công trình thủy lợi đang vận hành. Trong đó có 101/116 công trình có đủ nước tưới; 15/116 công trình có nguy cơ thiếu khoảng từ 3,75% đến 20 % lượng nước so với công suất thiết kế vào mùa khô (gồm: *Bản Mường, Hua Cưởm 1,2, Bó Lun - Cóc Nhũng, C23, Nậm Mít, Nậm Vai (K2), Mít Đạo, Phiêng Chăng II, Chom Chăng, Nà Pắt, Nậm Be, Hua Chăng, Nà Khoang, Ngọc Lại, Nậm Bon*).

- Trên địa bàn huyện Than Uyên có 119 công trình thủy lợi đang vận hành, trong đó có 110/119 công trình có đủ nước tưới, 09/119 công trình có nguy cơ thiếu từ 5% đến 22,22 % lượng nước so với công suất thiết kế vào mùa khô (gồm: *Nà Khảm, Cắm Chung, Nà Ban, Chiềng Ban, Phai Ngoa, Nậm Mỏ, Nậm Lưng, Nà Phát - Sang Ngà, Phai Ta*).

- Huyện Sìn Hồ: Có 169 công trình thủy lợi đang vận hành, trong đó có 159/169 công trình có đủ nước tưới, 10/169 công trình có nguy cơ thiếu từ 10% đến 17,4 % lượng nước so với công suất thiết kế vào mùa khô (gồm: *Hoàng Hồ, Nậm Tân 2 (Pá Nậm), Tà Ghênh (Nhóm Tà Tâu), Phiêng Diễm, Nậm Ta La, Nà Hay, Ta Pả, Nậm Há, Phiêng Trạng, Pa Khóa*).

- Huyện Mường Tè: Có 144 công trình thủy lợi đang vận hành, trong đó có 141/144 công trình có đủ nước tưới, 03/144 công trình có nguy cơ thiếu từ 9% đến 28,57 % lượng nước so với công suất thiết kế vào mùa khô (gồm: *Nậm Mạ Nội, Nà Pu Đeng, Cầu Máng*).

- Thành phố Lai Châu: Có 23 công trình thủy lợi đang vận hành và 02 hồ điều hòa, hiện chưa có nguy cơ thiếu nước.

Như vậy, trên địa bàn tỉnh có 75/1.002 công trình thủy lợi có nguy cơ thiếu nước vào mùa khô từ tháng 1/2025 đến tháng 4/2025, lượng nước thiếu khoảng từ 3,75% đến 28,57% thuộc địa bàn huyện Phong Thổ, Nậm Nhùn, Tam Đường, Tân Uyên, Than Uyên, Sìn Hồ, Mường Tè.

1.5. Hiện trạng khai thác nguồn nước tại các hồ chứa thủy điện

Trên địa bàn tỉnh Lai Châu có 61 công trình thủy điện đã đưa vào vận hành phát điện, trong đó có 15 công trình hồ chứa có dung tích từ 1 triệu m³ trở lên, trong đó: 03 công trình thủy điện Lai Châu, Huội Quảng, Bản Chát có hồ chứa điều tiết nước dài hạn (điều tiết năm), hiện 03 hồ chứa thủy điện nêu trên đã thực hiện tích nước đạt xấp xỉ với dung tích toàn bộ của hồ chứa (hồ chứa thủy điện Lai Châu tích 1.210.670.000 m³ nước, đạt 99,84% dung tích; hồ chứa thủy điện Bản Chát tích 2.133.560.000 m³ nước, đạt 99,81% dung tích; hồ chứa thủy điện Huội Quảng tích 175.330.000 m³ nước, đạt 95,18% dung tích). 12 công trình thủy điện (*Nậm Na 2, Nậm Na 3, Nậm Na 1, Pắc Ma, Pa Hạ, Phiêng Lúc, Nậm Cúm 3, Mường Mít, Nậm Cuối, Nậm Mít Luông, Nậm Xí Lùng 2, Nậm Cúm 4*) có dung tích hồ chứa lớn hơn 1 triệu m³ và 46 hồ chứa nhỏ điều tiết nước phát điện theo giờ trong ngày. Mực nước trong hồ chứa được duy trì không

thấp hơn mực nước chết và không vượt quá mực nước dâng bình thường thông qua các tổ máy phát điện và công trình xả lũ.

2. Dự báo xu thế diễn biến mưa, dòng chảy, lượng nước tích trữ trong các hồ chứa có dung tích từ 1 triệu m³ trở lên trong kỳ kế hoạch

- Theo Kịch bản nguồn nước (lần đầu) trên Lưu vực sông Hồng - Thái Bình, hiện tại hiện tượng ENSO đang trong trạng thái trung tính nghiêng dần về pha lạnh và có khả năng chuyển sang trạng thái La Nina với xác suất 50%-55% và sẽ duy trì trạng thái La Nina đến các tháng đầu năm 2025, sau đó La Nina có khả năng suy yếu dần, chuyển sang trạng thái trung tính với xác suất từ 55-70% từ khoảng tháng 3 đến tháng 5/2025.

- Nhiệt độ trong các tháng 12/2024, các tháng: 01,04,05 của năm 2025 phổ biến xấp xỉ so với trung bình nhiều năm, các tháng còn lại phổ biến cao hơn khoảng 0,5 độ C so với trung bình nhiều năm cùng thời kỳ. Nắng nóng có khả năng xuất hiện tại các tỉnh phía Tây Bắc Bộ từ khoảng cuối tháng 02 đầu tháng 3/2025 và sẽ gia tăng từ khoảng tháng 3 và tháng 4/2025. Sau đó nắng nóng có khả năng tiếp tục gia tăng hơn về cường độ và tần suất trong các tháng chính hè 2025. Cường độ nắng nóng có khả năng tương đương trung bình nhiều năm.

- Tổng lượng mưa trên lưu vực trong tháng 12/2024 phổ biến từ 10mm-35mm (thấp hơn từ 5mm-10mm so với trung bình nhiều năm); các tháng 01, 02/2025 phổ biến từ 15mm-40mm (xấp xỉ so với trung bình nhiều năm cùng thời kỳ); tháng 3/2025 phổ biến 50mm-80mm (cao hơn trung bình nhiều năm từ 5mm-10mm), tháng 4/2025 phổ biến từ 70mm-120mm (xấp xỉ so với trung bình nhiều năm); tháng 5/2025 phổ biến từ 180mm-270mm (xấp xỉ so với trung bình nhiều năm). Trong các tháng 01-02/2025, trên lưu vực sông Đà có khả năng xuất hiện một số ngày mưa nhỏ với tổng lượng mưa tháng từ 15mm-30mm (xấp xỉ so với trung bình nhiều năm).

- Dòng chảy các tháng mùa cạn trên các sông thuộc lưu vực sông Hồng – Thái Bình, trong đó có sông Đà về tổng thể dòng chảy các tháng mùa cạn trên các sông có xu hướng thiếu hụt trong thời gian cuối tháng 11 và các tháng 12/2024 và 01/2025 từ 10%-40%. Từ tháng 02 đến tháng 5/2025 dòng chảy trên sông Đà có khả năng thấp hơn so với trung bình nhiều năm từ 10%-30% và xấp xỉ trung bình giai đoạn 2020-2024.

2.1. Dự báo khí tượng, thủy văn từ tháng 01/2025 đến tháng 6/2025

** Dự báo khí tượng, thủy văn từ tháng 01/2025 đến tháng 3/2025:*

a) Khí tượng

- Nắng nóng: Có khả năng xuất hiện sớm vào cuối tháng 3 tại các xã vùng thấp của các huyện: Mường Tè, Nậm Nhùn, Phong Thổ. Số ngày nắng nóng có khả năng cao hơn trung bình nhiều năm.

- Giông, lốc, sét, mưa đá và mưa lớn cục bộ: Đề phòng các hiện tượng thời tiết nguy hiểm như: giông, lốc, sét, mưa đá, mưa lớn cục bộ và gió giật mạnh trong các đợt gió mùa Đông Bắc tràn xuống nước ta và vào khoảng thời gian giao mùa (cuối tháng 3).

- Khả năng tác động đến môi trường, điều kiện sống, cơ sở hạ tầng, các hoạt động kinh tế-xã hội: các hiện tượng giông, lốc, sét, mưa đá, mưa lớn, các đợt rét đậm, rét hại có thể kèm theo hiện tượng sương muối, băng giá, ... ảnh hưởng tiêu cực đến các hoạt động sản xuất nông nghiệp và sức khỏe cộng đồng ở các khu vực chịu tác động.

b) Dự báo thủy văn và nguồn nước

- Xu thế mực nước: Trong thời kỳ từ nửa cuối tháng 12/2024 đến tháng 03/2025 mực nước trên các sông trong tỉnh chủ yếu dao động theo điều tiết từ thủy điện phía thượng nguồn.

- Mực nước trung bình trên các sông, suối trong thời kỳ này khả năng ở mức thấp hơn trung bình nhiều năm.

- Xu thế tổng lượng nước mặt: Tổng lượng nước mặt trên các sông suối khả năng ở mức thấp hơn trung bình nhiều năm từ 10%-40%.

- Cảnh báo các hiện tượng thủy văn nguy hiểm: Ít có khả năng xảy ra.

** Dự báo khí tượng, thủy văn từ tháng 04 - 06/2025*

a) Khí tượng

- Xu thế nhiệt độ trung bình: Từ tháng 04 - 06/2025, nhiệt độ không khí trung bình trên toàn tỉnh phổ biến ở mức xấp xỉ trên trung bình nhiều năm.

- Xu thế lượng mưa: Từ tháng 04 - 06/2025, tổng lượng mưa các nơi trong tỉnh phổ biến ở mức xấp xỉ so với trung bình nhiều năm.

- Nắng nóng: Số ngày nắng nóng có khả năng nhiều hơn so với trung bình nhiều năm, đề phòng xảy ra nắng nóng gay gắt và đặc biệt tại các xã vùng thấp của các huyện Mường Tè, Nậm Nhùn, Phong Thổ.

- Khả năng tác động đến môi trường, điều kiện sống, cơ sở hạ tầng, các hoạt động kinh tế - xã hội: Các hiện tượng giông, lốc, sét, mưa đá, mưa lớn cục bộ, nắng nóng có thể ảnh hưởng tiêu cực đến các hoạt động sản xuất nông nghiệp và sức khỏe cộng đồng ở các khu vực trên phạm vi toàn tỉnh.

b) Thủy văn và nguồn nước

- Xu thế mực nước: Từ tháng 04/2025 đến tháng 05/2025, mực nước các sông suối dao động theo điều tiết các hồ chứa phía thượng nguồn, sang tháng 6 khả năng mực nước có dao động nhẹ. Mực nước trung bình trên các sông, suối trong thời kỳ này khả năng ở mức thấp hơn trung bình nhiều năm, riêng trạm Nà Hừ ở mức xấp xỉ trung bình nhiều năm.

- Xu thế tổng lượng nước mặt: Từ tháng 04/2025 đến tháng 06/2025 tổng lượng nước mặt trên các sông suối khả năng thấp hơn trung bình nhiều năm từ 10%-30%.

- Cảnh báo các hiện tượng thủy văn nguy hiểm: Nguy cơ xảy ra lũ quét, sạt lở đất ở một số nơi trong tỉnh vào khoảng tháng 05, 06/2025.

- Khả năng tác động đến môi trường, điều kiện sống, cơ sở hạ tầng, các hoạt động kinh tế-xã hội: Lũ quét, sạt lở đất có thể gây tác động rất xấu đến môi trường, uy hiếp tính mạng của người dân; gây tắc nghẽn giao thông cục bộ, làm ảnh hưởng tới quá trình di chuyển của các phương tiện; phá hủy các công trình dân sinh, kinh tế gây thiệt hại cho các hoạt động sản xuất, hoạt động kinh tế- xã hội.

2.2. Dự báo lượng nước tích trữ trong các hồ chứa có dung tích từ 1 triệu m³ trở lên

Trong thời điểm từ tháng 12/2024 đến tháng 6/2025 là cao điểm mùa khô, lượng mưa thấp hơn 30% so với trung bình cả năm, do đó lưu lượng chảy về hồ chứa thủy điện cũng nhỏ hơn 30% tổng lượng dòng chảy cả năm, các hồ chứa thủy điện sẽ không đủ nước để hoạt động phát điện tối đa số giờ sử dụng công suất lắp máy.

III. KẾ HOẠCH KHAI THÁC, SỬ DỤNG NƯỚC CỦA CÁC LĨNH VỰC

1. Kế hoạch khai thác, sử dụng nước sinh hoạt đến tháng 6/2025

1.1. Kế hoạch khai thác, sử dụng nước sinh hoạt khu vực đô thị

a) Nhiệm vụ

- Quản lý, vận hành, khai thác các trạm cấp nước sinh hoạt đô thị trên địa bàn tỉnh đảm bảo cung cấp đủ nhu cầu sử dụng nước của cơ quan, tổ chức và người dân; không để xảy ra tình trạng thiếu nước dài ngày, khối lượng lớn.

- Thực hiện các giải pháp điều tiết hài hòa các nguồn nước, ưu tiên cấp bổ sung cho các trạm cấp nước có nguy cơ thiếu nguồn nước cung cấp.

b) Giải pháp

- Thường xuyên kiểm tra, bảo trì, bảo dưỡng các trạm cấp nước sinh hoạt đô thị trên địa bàn tỉnh đảm bảo vận hành thường xuyên, liên tục, không bị hỏng hóc, gián đoạn hoặc rò rỉ, thất thoát, lãng phí nước;

- Thường xuyên kiểm tra vệ sinh, khơi thông các nguồn nước đảm bảo lưu thông dòng chảy, hạn chế thất thoát nước. Thực hiện tìm kiếm, bổ sung các nguồn nước để bổ sung lượng nước thiếu hụt, nhất là các trạm cấp nước có khả năng xảy ra tình trạng thiếu nước: Trạm xử lý và cấp nước sinh hoạt thị trấn Phong Thổ (cụm Paso), Trạm xử lý và cấp nước sinh hoạt thị trấn Tam Đường, Trạm xử lý và cấp nước sinh hoạt Hua Nà. Riêng Nhà máy nước thành phố Lai Châu (trạm Tả Lèng), thực hiện khai thác tối đa công suất các trạm cấp nước: Nậm Loỏng, trạm Nùng Nàng để bổ sung khối lượng nước thiếu hụt.

- Thực hiện điều tiết hợp lý, hài hòa việc khai thác, sử dụng các nguồn nước khác; trong trường hợp xảy ra hạn hán, thiếu hụt lượng lớn nước cấp cho sinh hoạt thực hiện cắt giảm sản lượng khai thác cho các mục đích khác như: thủy điện, thủy lợi để bổ sung khối lượng nước thiếu hụt.

- Tuyên truyền, vận động cơ quan, tổ chức và người dân sử dụng tiết kiệm nước, có biện pháp chủ động tích trữ nước nhất là từ tháng 01/2025 - tháng 4/2025.

1.2. Kế hoạch khai thác, sử dụng nước sinh hoạt khu vực nông thôn

a) Nhiệm vụ

- Quản lý, vận hành, khai thác các công trình cấp nước sạch/hợp vệ sinh khu vực nông thôn trên địa bàn tỉnh đảm bảo cung cấp đủ nhu cầu sử dụng nước của người dân.

- Thực hiện tìm kiếm các nguồn nước để cấp bổ sung cho các công trình cấp nước có nguy cơ thiếu nguồn nước cung cấp.

b) Giải pháp

- Thường xuyên kiểm tra, sửa chữa, vận hành, khai thác các công trình cấp nước sạch/hợp vệ sinh khu vực nông thôn trên địa bàn tỉnh đảm bảo cung cấp đủ nhu cầu sử dụng nước của người dân.

- Thường xuyên kiểm tra vệ sinh, khơi thông các nguồn nước đảm bảo lưu thông dòng chảy, hạn chế thất thoát nước, nhất là tại 75 công trình cấp nước sạch/hợp vệ sinh khu vực nông thôn trên địa bàn tỉnh có nguy cơ thiếu hụt lượng nước cung cấp.

- Tuyên truyền, vận động người dân sử dụng tiết kiệm nước, có biện pháp tích trữ nước để đảm bảo nhu cầu sử dụng; trong trường hợp xảy ra hạn hán, thiếu hụt lượng lớn nước cấp cho sinh hoạt, vận động nhân dân tìm kiếm nguồn nước dưới đất để sử dụng như: Các nguồn nước dưới đất xuất lộ tự nhiên, đào mới hoặc sửa chữa giếng nước đã có.

2. Kế hoạch khai thác, sử dụng nước phục vụ sản xuất nông nghiệp

a) Nhiệm vụ

- Vận hành, khai thác tốt các hồ chứa thủy lợi, hệ thống công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh đảm bảo cung cấp đủ nhu cầu sử dụng nước phục vụ sản xuất của tổ chức, người dân.

- Thực hiện các giải pháp điều tiết các nguồn nước khác để cấp bổ sung cho các trạm cấp nước có nguy cơ thiếu nguồn nước cung cấp.

b) Giải pháp

- Thường xuyên kiểm tra, duy tu, sửa chữa, vận hành, khai thác tốt các hồ chứa thủy lợi, hệ thống công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh, chủ động nạo vét

kênh mương, khơi thông dòng chảy, giảm thất thoát, lãng phí nước, đảm bảo nguồn nước tưới tiêu phục vụ sản xuất, nhất là thời điểm mùa khô từ tháng 12 năm 2024 đến tháng 6 năm 2025;

- Tổ chức khai thác, cấp nước sản xuất theo các đợt, mùa vụ để nâng cao hiệu quả sử dụng nước; bố trí cơ cấu sản xuất, mùa vụ, thời điểm xuống giống phù hợp;

- Thực hiện điều tiết hợp lý việc khai thác, sử dụng các nguồn nước khác; trong trường hợp xảy ra hạn hán, thiếu hụt lượng lớn nước cấp cho sản xuất nông nghiệp thực hiện cắt giảm sản lượng khai thác cho các mục đích thủy điện, để ưu tiên cấp bổ sung lượng nước sản xuất nông nghiệp bị thiếu hụt;

- Tuyên truyền, vận động người dân sử dụng tiết kiệm nước, thực hiện lấy nước theo đợt theo thông báo của đơn vị khai thác, cung cấp; chuyển đổi cơ cấu cây trồng đối với những diện tích thiếu nước; sử dụng các giống cây trồng thích ứng với điều kiện hạn hán; đối với diện tích nuôi trồng thủy sản có khả năng thiếu nước cần giảm quy mô hoặc chuyển đổi, sử dụng các giống nuôi thích ứng với điều kiện hạn hán, thiếu nước để tránh gây thiệt hại cho nhân dân.

3. Kế hoạch khai thác, sử dụng nước phục vụ sản xuất điện

a) Nhiệm vụ

Quản lý, vận hành, khai thác có hiệu quả các hồ chứa thủy điện trên địa bàn tỉnh đảm bảo cung cấp nước để phát điện tối đa công suất, đảm bảo an ninh năng lượng, phù hợp với thực trạng của từng nguồn nước khai thác.

b) Giải pháp

- Đối với 03 công trình thủy điện Lai Châu, Huội Quảng, Bản Chát có hồ chứa điều tiết nước dài hạn (điều tiết năm), đảm bảo sẵn sàng thực hiện việc vận hành xả nước phát điện thực hiện theo lệnh điều độ của Trung tâm Điều độ hệ thống lưới điện Quốc gia, vận hành xả nước chống hạn theo yêu cầu của các bộ, ngành Trung ương nhằm đảm bảo an ninh năng lượng và an ninh quốc gia trong giai đoạn tháng 12/2024 đến tháng 6/2025;

- Đối với 12 công trình thủy điện có dung tích hồ chứa trên 1 triệu m³ và 46 hồ thủy điện dung tích nhỏ hơn 1 triệu m³ điều tiết nước phát điện theo giờ trong ngày, duy trì mực nước trong hồ chứa không thấp hơn mực nước chết và không vượt quá mực nước dâng bình thường thông qua các tổ máy phát điện và công trình xả lũ. Căn cứ lưu lượng nước chảy về hồ chứa và lệnh điều độ của Trung tâm điều độ hệ thống lưới điện các cấp để có chế độ vận hành phát điện phù hợp, trong đó ưu tiên duy trì vận hành phát điện với mực nước cao nhất để đảm bảo sử dụng hiệu quả nguồn tài nguyên nước. Trường hợp, mực nước hồ chứa đang ở mực nước chết mà lưu lượng nước về hồ thấp hơn lưu lượng phát điện tối thiểu của 01 tua bin thì nhà máy dừng hoạt động phát điện;

- Thực hiện nghiêm quy trình vận hành hồ chứa, quy trình vận hành liên hồ chứa đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. Trường hợp xảy ra hạn hán, thiếu nước cấp cho sinh hoạt, sản xuất nông nghiệp, các thủy điện có giải pháp cắt giảm sản lượng, ưu tiên cấp bổ sung nước cho sinh hoạt, sản xuất.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Tài nguyên và Môi trường

a) Tổ chức theo dõi, kiểm tra việc chấp hành duy trì xả dòng chảy tối thiểu các công trình, dự án trên địa bàn tỉnh; xử lý hoặc tham mưu cấp thẩm quyền xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm theo quy định của pháp luật.

b) Hướng dẫn, tiếp nhận, thẩm định, tham mưu cấp, gia hạn, điều chỉnh, cấp lại, chấp thuận trả lại, tạm dừng, đình chỉ, thu hồi giấy phép khai thác tài nguyên nước, giấy phép thăm dò nước dưới đất; đăng ký khai thác, sử dụng nước mặt thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh.

c) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan đơn đốc, tiếp nhận hồ sơ phê duyệt phương án cấm mốc hành lang bảo vệ nguồn nước hồ chứa thủy lợi, thủy điện, trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

d) Căn cứ Kịch bản nguồn nước trên Lưu vực sông Hồng - Thái Bình do Bộ Tài nguyên và Môi trường công bố trong thời kỳ tiếp theo, chủ trì tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành kế hoạch khai thác, sử dụng tài nguyên nước trên địa bàn tỉnh phù hợp với tình hình thực tế của tỉnh.

2. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

a) Chủ trì tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo tổ chức vận hành hiệu quả các công trình thủy lợi để lấy nước phục vụ đồ ải và tưới dưỡng sản xuất nông nghiệp tập trung, hạn chế tối đa phát sinh các nhu cầu lấy nước gia tăng ngoài các đợt lấy nước tập trung.

b) Tiếp tục chỉ đạo rà soát hiện trạng các công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh, đánh giá hiệu quả lấy nước của các công trình thủy lợi; tăng cường sửa chữa, nâng cấp các công trình thủy lợi có hiệu quả lấy nước kém; đồng thời, chỉ đạo việc tính toán cụ thể nhu cầu nước cho tưới dưỡng lúa (tháng 2,3,4/2025) theo hướng tăng hiệu quả lấy nước của các công trình thủy lợi. Có biện pháp bổ sung nguồn nước dự phòng để chủ động bổ sung lượng nước trường hợp nguồn nước khó khăn.

c) Chủ trì, nghiên cứu, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh đầu tư xây dựng công trình tích trữ nước theo Kết luận 36-KL/TW ngày 23/6/2022 của Bộ Chính trị về bảo đảm an ninh nguồn nước và an toàn đập, hồ chứa nước đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045. Ưu tiên xây dựng các công trình điều tiết, tích trữ nước ở vùng khan hiếm nước, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, biên giới, địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.

d) Tiếp nhận hồ sơ, tổ chức thẩm định quy trình vận hành đối với hồ chứa thủy lợi thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân tỉnh theo quy định của pháp luật. Chỉ đạo tổ chức rà soát, điều chỉnh các quy trình vận hành hồ chứa, công trình, hệ thống công trình thủy lợi bảo đảm sử dụng nước tiết kiệm, hiệu quả, đa mục tiêu, chống thất thoát, lãng phí nước và bảo đảm lưu thông của dòng chảy trong hệ thống công trình, không gây ứ đọng, ô nhiễm nguồn nước.

e) Tham mưu xây dựng kế hoạch chuyển đổi cơ cấu cây trồng phù hợp với với những diện tích thiếu nước; sử dụng các giống cây trồng, vật nuôi thích ứng với điều kiện hạn hán.

3. Sở Công Thương

a) Tiếp nhận hồ sơ, tổ chức thẩm định quy trình vận hành hồ chứa thủy điện thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh. Đôn đốc các chủ đầu tư rà soát, lập, trình phê duyệt điều chỉnh các quy trình vận hành hồ chứa thủy điện nhằm bảo đảm sử dụng nước tiết kiệm, hiệu quả, đa mục tiêu, chống thất thoát, lãng phí nước, trường hợp xảy ra hạn hán, thiếu nước ưu tiên sử dụng nguồn nước cấp cho sinh hoạt, sản xuất của nhân dân.

b) Chủ trì phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, chủ các dự án thủy điện trong việc điều tiết hồ chứa công trình thủy điện trong trường hợp thiếu nước phục vụ sinh hoạt, sản xuất nông nghiệp. Tổ chức kiểm tra theo thẩm quyền việc tuân thủ quy trình vận hành hồ chứa, các dự án, công trình thủy điện trên địa bàn; xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm.

4. Sở Xây dựng

Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành và Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố xây dựng và thực hiện quy hoạch, kế hoạch, dự án cấp nước sinh hoạt, nước sạch; thực hiện biện pháp khẩn cấp để bảo đảm cấp nước sinh hoạt trong trường hợp hạn hán thiếu nước hoặc sự cố ô nhiễm nguồn nước nghiêm trọng gây ra thiếu nước đối với khu vực đô thị trên địa bàn tỉnh.

5. Các sở, ban, ngành có liên quan

Theo chức năng, nhiệm vụ được giao khẩn trương hoàn thiện các dự án, công trình điều tiết, trữ nước trong quy hoạch thủy lợi, quy hoạch về tài nguyên nước và các quy hoạch khác có liên quan.

6. Đài khí tượng thủy văn tỉnh

a) Cung cấp cho Sở Tài nguyên và Môi trường danh mục và vị trí các trạm thủy văn chuyên dùng, tài liệu khí tượng thủy văn hiện có và số liệu các yếu tố khí tượng thủy văn quan trắc được khi Sở Tài nguyên và Môi trường có yêu cầu để tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh và Bộ Tài nguyên và Môi trường.

b) Định kỳ hàng tháng, vào mùa khô có trách nhiệm cung cấp cho Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Công Thương và các cơ quan có liên quan kết quả quan trắc khí tượng thủy văn và môi trường, đồng thời dự báo tình hình khí tượng thủy văn 10 ngày, tháng, mùa tiếp theo trên địa bàn tỉnh.

7. Ủy ban nhân dân các huyện thành phố

a) Tổ chức quản lý, bảo vệ mốc giới hành lang bảo vệ nguồn nước theo quy định; xử lý nghiêm các trường hợp lấn, chiếm, sử dụng trái phép phần đất thuộc phạm vi hành lang bảo vệ nguồn nước trên địa bàn theo quy định của pháp luật.

b) Rà soát, đôn đốc các tổ chức có công trình khai thác nước để cấp cho sinh hoạt và các cơ quan liên quan trên địa bàn, xác định ranh giới phạm vi của vùng bảo hộ vệ sinh khu vực lấy nước sinh hoạt trên thực địa sau khi được phê duyệt, công bố.

c) Chỉ đạo cơ quan chuyên môn quản lý nhà nước về thủy lợi thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện tiếp nhận hồ sơ, tổ chức thẩm định quy trình vận hành hồ chứa thủy lợi thuộc thẩm quyền. Tổ chức kiểm tra theo thẩm quyền việc tuân thủ quy trình vận hành hồ chứa, việc chấp hành quy định của giấy phép khai thác tài nguyên nước, nhất là quy định duy trì dòng chảy tối thiểu đối với các dự án, công trình thủy điện trên địa bàn.

d) Chủ động tìm kiếm nguồn nước bổ sung, thay thế đối với cấp nước cho sinh hoạt, sản xuất nông nghiệp trên địa bàn.

e) Rà soát, tổng hợp các khu vực sản xuất nông nghiệp có nguy cơ thiếu nước trên địa bàn, trường hợp xảy ra tình trạng thiếu nước nghiêm trọng báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh để chỉ đạo điều tiết nguồn nước từ các dự án, công trình thủy điện để bổ sung lượng nước thiếu hụt; có kế hoạch tuyên truyền, chỉ đạo chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi thích ứng với điều kiện hạn hán.

8. Ủy ban nhân dân các xã

a) Tổ chức quản lý, bảo vệ mốc giới hành lang bảo vệ nguồn nước theo quy định; xử lý nghiêm các trường hợp lấn, chiếm, sử dụng trái phép phần đất thuộc phạm vi hành lang bảo vệ nguồn nước trên địa bàn theo thẩm quyền.

b) Tổ chức kiểm tra theo thẩm quyền việc tuân thủ quy trình vận hành hồ chứa, việc chấp hành quy định của giấy phép khai thác tài nguyên nước, nhất là quy định duy trì dòng chảy tối thiểu đối với các dự án, công trình thủy điện trên địa bàn.

c) Phối hợp với các cơ quan có liên quan tìm kiếm nguồn nước bổ sung, thay thế đảm bảo chất lượng nước theo mục đích sử dụng trong trường hợp xảy ra tình trạng thiếu nước. Tuyên truyền, chỉ đạo chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi thích ứng với điều kiện hạn hán theo kế hoạch của Ủy ban nhân dân huyện.

9. Các tổ chức khai thác nước

a) Công ty Cổ phần nước sạch Lai Châu

- Thường xuyên kiểm tra, duy trì hoạt động của các nhà máy/trạm cấp nước, mạng lưới cấp nước sinh hoạt, đảm bảo khai thác nước hiệu quả, tiết kiệm, tránh thất thoát, lãng phí tài nguyên nước.

- Chủ động đề xuất nguồn nước bổ sung, thay thế trong trường hợp trạm cấp nước thiếu nguồn nước cấp.

b) Công ty TNHH MTV quản lý thủy nông Lai Châu

- Thường xuyên duy tu bảo dưỡng các hồ chứa, công trình thủy lợi, đảm bảo việc cung cấp đủ lưu lượng nước để sản xuất nông nghiệp tiết kiệm, hiệu quả, tránh thất thoát, lãng phí nước.

- Đề xuất các giải pháp, nguồn nước cấp bổ sung trong trường hợp thiếu nước cấp cho sản xuất nông nghiệp.

c) Chủ các dự án thủy điện

- Vận hành công trình thủy điện theo đúng quy trình vận hành hồ chứa, quy trình vận hành liên hồ chứa đã được thẩm định, phê duyệt.

- Tuân thủ quy định của giấy phép khai thác tài nguyên nước, nhất là duy trì dòng chảy tối thiểu theo quy định; trường hợp xảy ra tình trạng hạn hán, thiếu nước cấp cho sinh hoạt, sản xuất thực hiện cắt giảm sản lượng phát điện, xả bổ sung lượng nước để cấp cho sinh hoạt, sản xuất nông nghiệp theo chỉ đạo của cơ quan có thẩm quyền.

Trong quá trình triển khai thực hiện Kế hoạch này, nếu phát sinh khó khăn, vướng mắc các cơ quan, đơn vị phản ánh về Sở Tài nguyên và Môi trường để tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, kịp thời chỉ đạo /.

Nơi nhận:

- Bộ TN&MT;
- TT. Tỉnh ủy;
- TT. HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành tỉnh;
- UBND các huyện, thành phố;
- UBND các xã, phường, thị trấn;
- Công ty Cổ phần nước sạch Lai Châu;
- Công ty TNHH MTV quản lý thủy nông Lai Châu;
- Chủ các dự án thủy điện trên địa bàn tỉnh;
- VP UBND tỉnh: CB, V2, V3;
- Lưu: VT, Kt7.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Hà Trọng Hải